

Bản án số: 53/2023/HNGĐ- ST.
Ngày: 27/4/2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Lả;

2. Ông Mùa A Phênh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 27/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST – HNGĐ ngày 09/3/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXX - ST ngày 11/4/2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N – Sinh năm 1988 "vắng mặt".

Nơi ĐKKHKT: Thôn 06, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T – Sinh năm 1986 " có mặt".

Nơi ĐKKHKT: Thôn 06, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08/3/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, chị Hoàng Thị N (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và anh Tới lấy nhau từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc; quá trình chung sống ban đầu thì hạnh phúc, nhưng sau đó một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải, nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay, chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Tới.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn khai vợ chồng có 02 con chung là: Trần Thị Thu Huyền, sinh ngày 24/10/2008 và Trần Ngọc Dương, sinh ngày 26/8/2012. Chị Nguyễn có nguyện vọng cho các con ở cùng với bố, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 của các cháu Trần Thị Thu Huyền và Trần Ngọc Dương đều có nguyện vọng được ở cùng với bố.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Trần Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Nguyễn lấy nhau tự nguyện và không đăng ký tại UBND xã theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải, nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, nay cô Nguyễn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tới khai vợ chồng có 02 con chung như chị Nguyễn trình bày là đúng. Anh Tới có nguyện vọng muốn được nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có.

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân xác nhận của UBND xã P L đã xác định sau khi lấy nhau năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn hai vợ chồng ở với nhau một thời gian, sau đó hai vợ chồng sống không hạnh phúc và sống ly thân nhau từ năm 2021. Hiện nay anh Tới và 02 con chung vẫn ở nhà ở Thôn 06, xã P L, huyện Đ B. Hai cháu đều đang đi học.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005156 ngày 08/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Hoàng Thị N, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn xin ly hôn với anh Tới, anh Tới có hộ khẩu thường trú tại xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Nguyễn và anh Tới lấy nhau năm 2007 không đăng ký kết hôn, đến năm 2023 thì chị Nguyễn khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Trần Ngọc T lấy nhau không đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến gia đình không hạnh phúc dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Họ hàng hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn và anh Tới đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn. Tuy nhiên, từ năm 2007 đến nay mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị Nguyễn và anh Tới vẫn không đăng ký kết hôn, đến ngày 08/3/2023 chị Nguyễn đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên áp dụng Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử không công nhận chị Hoàng Thị N và anh Trần Ngọc T là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Thu Huyền, sinh ngày 24/10/2008 và Trần Ngọc Dương, sinh ngày 26/8/2012. Chị Nguyễn có nguyện vọng cho các con ở cùng với bố, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2023 của các cháu Trần Thị Thu Huyền và Trần Ngọc Dương đều có nguyện vọng được ở cùng với bố.

Anh Tới có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa **anh Tới** có nguyện vọng muốn được nuôi con chung. HĐXX xét thấy nguyện vọng của **anh Tới** là phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của **anh Tới** và giao con chung cho **anh Tới** trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: **Anh Tới** không yêu cầu chị Nguyễn cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng, nợ lấy về: Không có.

[6.2]. Nợ phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005156 ngày 08/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

[8]. Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, vì lý do bận công việc Công ty không cho nghỉ nên nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét

xử căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228/BLTTDS và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Áp dụng Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1 - Tuyên xử: Không công nhận chị Hoàng Thị N và anh Trần Ngọc T là vợ chồng.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Tới, giao con chung là cháu Trần Thị Thu Huyền, sinh ngày 24/10/2008 và Trần Ngọc Dương, sinh ngày 26/8/2012 cho anh Tới trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Tới không yêu cầu chị Nguyên phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyên phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, chị Nguyên đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 0005156 ngày 08/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, chị Nguyên đã nộp đủ tiền án phí DSST.

5- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Khoản 1 Điều 273/BLTTDS; Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã P L;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lù Văn Lả

Lường Văn Lương

Mùa A Phênh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Yên;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Bạc Thị Kiên

Lường Văn Lương

Vũ Văn Tám

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Bạc Thị Kiên

Lường Văn Lương

Nguyễn Thị Tâm